yùn dòng fú

运动服

noun · sportswear

Example Sentences

Tā chuān le yī tào xīn de yùn dòng fú qù pǎo bù
他 穿 了一套新的运 动 服去跑步。

He wore a new set of sportswear to go running.

Yùn dòng fú de miàn liào yào tòu qì xī hàn
运 动 服的 面 料要透气吸汗。

The fabric of sportswear should be breathable and absorb sweat.

Trace each character, then write the word on your own.

运 运 运 运 运 运 运 运 运 运

动 动 动 动 动 动 动 动 动

服 服 服 服 服 服 服 服 服 服 服